CÔNG TY CỔ PHẦN **THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13 /UQ JVC - 2019	*Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2019*

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật,

Bên ủy quyền: (bà) Vũ Thị Thúy Hằng

Chức vụ : Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Sinh ngày : 02/9/1983

Số CCCD : 022183001767 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18/6/2018.

Nơi thường trú : D22. 11, New Sài Gòn, Ấp 5 Phước Kiến, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Bên nhận ủy quyền: (bà) Vương Vân Anh

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Sinh ngày : 14/10/1991

Số CMND : 024937195 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2008.

Nơi thường trú : 30 đường 8, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP. HCM.

Điều 1. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bằng Giấy ủy quyền này Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền được quyền thay mặt Bên ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên soát xét năm 2019 (từ 01/4/2019 – 30/9/2019) của Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật.

Điều 2. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện công việc được ủy quyền và không được ủy quyền lại cho bên thứ ba khác, chịu trách nhiệm trước Bên ủy quyền khi thực hiện công việc được quy định tại Điều 1.

Điều 3. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 11 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Giấy ủy quyền này được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi cho Hội đồng quản trị để báo cáo, 01 bản gửi lưu Văn thư.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN	BÊN ỦY QUYỀN
T/L TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Vương Vân Anh	M.S.D.N: 0101178800 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI TỔNG GIÁM ĐỐC Vũ Thị Thúy Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 167/2019/CV-JVC *(V/v: Công bố Báo cáo tài chính kiểm toán bán niên 2019 và giải trình KQHĐSXKD)*	*Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019*

Kính gửi: - **UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hà Thanh**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu : ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán bán niên năm 2019 (giai đoạn 01/04/2019 – 30/09/2019) như sau:

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

   Ngày ký báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất bán niên năm 2019: 29/11/2019

   Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán bán niên năm 2019 đã được Chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/11/2019 tại đường dẫn:

http://ytevietnhat.com.vn/thong-tin-co-dong/thong-tin-tai-chinh?type=thongtintaichinh&viewtype=toggle

2. Giải trình chênh lệch số liệu tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2019, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu tài chính chênh lệch: Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh

+ Số liệu trước kiểm toán (đồng): (2,655,269,743)

+ Số liệu sau kiểm toán (đồng): (2,495,524,130)

+ Chênh lệch (đồng): (159,745,613) tương ứng với 6,016%

Nguyên nhân: Trong Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét có điều chỉnh một số khoản doanh thu tạm trích của lĩnh vực kinh doanh liên kết dẫn đến sự chênh lệch trên.

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như trên.*
- *Lưu VP.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 0101178800 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

LÊ THỊ HÀ THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN **THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:.168... -2019/CV-JVC *V/v Giải trình kết luận soát xét trên BCTC bán niên*	***Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019***

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin gửi tới quý Cơ quan lời chào trân trọng!

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (Công ty) xin được giải trình một số liên quan đến Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2019 như sau:

1/ Trong Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ số: 0434/VN1A-HN-BC ngày 29 tháng 11 năm 2019, Công ty kiểm toán đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với một số vấn đề sau:

"Như trình bày tại Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 59 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng khoảng 13,6 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tương ứng lần lượt là khoảng 59 tỷ đồng và 13,6 tỷ đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng và 13,6 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục soát xét để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng và 13,6 tỷ đồng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không."

Nguyên nhân dẫn đến kết luận ngoại trừ: Do kiểm toán viên không nhận được thư xác nhận công nợ tại ngày 30/09/2019 cho các khoản công nợ này.

Giải trình của công ty: Đây là khoản phải thu phát sinh từ những năm tài chính trước trong đó bao gồm 11,7 tỷ đồng là công nợ phải thu của Công ty liên quan đến Ban Giám đốc tiền nhiệm và là số dư tạm ứng cho CBCNV Công ty phát sinh trong giai đoạn Ban Giám đốc tiền nhiệm điều hành. Đến hiện tại Công ty không thể thu thập được đầy đủ Hồ sơ gốc của các khoản công nợ trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng bán niên cho năm tài chính 2019, Công ty chưa có được đầy đủ thư xác nhận công nợ của các khách hàng và thư xác nhận số dư cho những khoản tạm ứng này.

2/ Trong Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ số: 0435/VN1A-HN-BC ngày 29 tháng 11 năm 2019, Công ty kiểm toán đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với một số vấn đề sau:

"Như trình bày tại Thuyết minh số 05, Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 59 tỷ đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng khoảng 16,6 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tương ứng lần lượt là khoảng 59 tỷ đồng, khoảng 14,9 tỷ đồng và khoảng 16,6 tỷ đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng, 14,9 tỷ đồng và 16,6 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục soát xét để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng, 14,9 tỷ đồng và 16,6 tỷ đồng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không."

Nguyên nhân dẫn đến kết luận ngoại trừ: Do kiểm toán viên không nhận được thư xác nhận công nợ tại ngày 30/09/2019 cho các khoản công nợ này.

Giải trình của công ty: Đây là khoản phải thu, trả trước cho người bán phát sinh từ những năm tài chính trước trong đó bao gồm 23,6 tỷ đồng là công nợ phải thu của những công ty liên quan đến Ban Giám đốc tiền nhiệm và là số dư tạm ứng cho CBCNV Công ty phát sinh trong giai đoạn Ban Giám đốc tiền nhiệm điều hành. Đến hiện tại Công ty không thể thu thập được đầy đủ Hồ sơ gốc của các khoản công nợ trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm tài chính 2019, Công ty chưa có được đầy đủ thư xác nhận công nợ của các khách hàng và thư xác nhận số dư cho những khoản tạm ứng này.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

LÊ THỊ HÀTHANH

CÔNG TY CỔ PHẦN **THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 166 - 2019/CV-VJC	
V/v: Giải trình kết luận soát xét trên BCTC bán niên năm 2019	***Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019***

Kính gửi: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Nhằm làm rõ một số nội dung trên Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật xin có một số ý kiến giải trình như sau:

1. Liên quan đến kết luận ngoại trừ trên báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

"Như trình bày tại Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 59 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng khoảng 13,6 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tương ứng lần lượt là khoảng 59 tỷ đồng và 13,6 tỷ đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng và 13,6 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục soát xét để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng và 13,6 tỷ đồng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không."

Giải trình của Công ty: Đây là khoản phải thu phát sinh từ những năm tài chính trước trong đó bao gồm 11,7 tỷ đồng là công nợ phải thu của Công ty liên quan đến Ban Giám đốc tiền nhiệm và là số dư tạm ứng cho CBCNV Công ty phát sinh trong giai đoạn Ban Giám đốc tiền nhiệm điều hành. Đến hiện tại Công ty không thể thu thập được đầy đủ Hồ sơ gốc của các khoản công nợ trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng bán niên cho năm tài chính 2019, Công ty chưa có được đầy đủ thư xác nhận công nợ của các khách hàng và thư xác nhận số dư cho những khoản tạm ứng này.

2. Liên quan đến kết luận ngoại trừ trên báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

"Như trình bày tại Thuyết minh số 05, Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 59 tỷ đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng khoảng 16,6 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31

tháng 3 năm 2019 tương ứng lần lượt là khoảng 59 tỷ đồng, khoảng 14,9 tỷ đồng và khoảng 16,6 tỷ đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng, 14,9 tỷ đồng và 16,6 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục soát xét để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng, 14,9 tỷ đồng và 16,6 tỷ đồng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không."

Giải trình của Công ty: Đây là khoản phải thu, trả trước cho người bán phát sinh từ những năm tài chính trước trong đó bao gồm 23,6 tỷ đồng là công nợ phải thu của những công ty liên quan đến Ban Giám đốc tiền nhiệm và là số dư tạm ứng cho CBCNV Công ty phát sinh trong giai đoạn Ban Giám đốc tiền nhiệm điều hành. Đến hiện tại Công ty không thể thu thập được đầy đủ Hồ sơ gốc của các khoản công nợ trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm tài chính 2019, Công ty chưa có được đầy đủ thư xác nhận công nợ của các khách hàng và thư xác nhận số dư cho những khoản tạm ứng này

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật để làm rõ các vấn đề dẫn tới kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên trong các Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Kính đề nghị Quý Công ty xác nhận ý kiến để chúng tôi gửi Công văn giải trình tới UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.

Trân trọng cám ơn !

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

T/L TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vương Văn Anh

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 293 /VN1A-HN-CV

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Về việc: *Xác nhận giải trình của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật về các vấn đề dẫn tới kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên trên các Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.*

Thưa các Quý Ông/Bà,

Phúc đáp Công văn số 166-2019/CV-JVC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Quý Công ty về việc giải trình các vấn đề dẫn tới kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên trong các Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019, chúng tôi xác nhận ý kiến giải trình tại Công văn này của Quý Công ty là phù hợp với các giải trình Quý Công ty đã cung cấp cho kiểm toán viên trong quá trình soát xét, các vấn đề này đã được trình bày tại các Báo cáo soát xét số 0434/VN1A-HN-BC ngày 29 tháng 11 năm 2019 về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Báo cáo soát xét số 0435/VN1A-HN-BC ngày 29 tháng 11 năm 2019 về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật.

Trân trọng,

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Xuân Ánh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu Văn thư.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hosono Kyohei	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hướng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2019)

Ban Giám đốc

Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Tổng Giám đốc
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Khang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Vương Vân Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 11 năm 2019

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0435 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 11 năm 2019, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 05, Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền khoảng 59 tỷ đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền khoảng 14,9 tỷ đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng khoảng 16,6 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tương ứng lần lượt là khoảng 59 tỷ đồng, khoảng 14,9 tỷ đồng và khoảng 16,6 tỷ đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019. Chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng, 14,9 tỷ đồng và 16,6 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được đầy đủ các thủ tục soát xét để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập lần lượt khoảng 59 tỷ đồng, 14,9 tỷ đồng và 16,6 tỷ đồng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 11 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**333.292.191.009**	**325.063.921.249**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**55.202.394.760**	**40.807.505.332**
1. Tiền	111		19.702.394.760	15.307.505.332
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.500.000.000	25.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**550.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	550.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**162.047.708.720**	**164.893.974.766**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	497.612.094.300	501.068.293.335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	328.234.792.280	334.860.669.184
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	526.834.922.524	515.297.526.698
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.191.633.342.884)	(1.187.331.756.951)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**114.473.467.005**	**116.950.382.502**
1. Hàng tồn kho	141		156.225.143.240	159.181.460.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.751.676.235)	(42.231.077.729)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.568.620.524**	**1.862.058.649**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	879.581.010	782.743.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		636.089.789	1.026.365.698
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	52.949.725	52.949.725

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**341.184.449.613**	**376.882.979.392**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**2.727.584.325**	**2.998.435.887**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	7	2.727.584.325	2.998.435.887
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**324.769.085.864**	**346.087.540.405**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	324.291.993.710	345.476.915.191
	- Nguyên giá	*222*		*860.193.994.225*	*858.882.446.431*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(535.902.000.515)*	*(513.405.531.240)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	12	477.092.154	610.625.214
	- Nguyên giá	*228*		*923.000.480*	*923.000.480*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(445.908.326)*	*(312.375.266)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**	**14**	**260.274.011**	**10.463.183.584**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		260.274.011	10.463.183.584
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**2.520.000.000**	**2.520.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	750.000.000	750.000.000
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	110.750.000.000	110.750.000.000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(111.500.000.000)
4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	17	2.520.000.000	2.520.000.000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**10.907.505.413**	**14.813.819.516**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.749.307.891	14.751.622.235
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		158.197.522	62.197.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		**270**		**674.476.640.622**	**701.946.900.641**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**141.939.170.386**	**173.364.756.519**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**118.570.744.064**	**148.220.555.690**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	85.059.277.943	107.201.920.937
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.319.287.164	12.084.413.972
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	525.700.027	448.306.820
4.	Phải trả người lao động	314		58.393.762	19.628.645
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	23.487.441.997	26.516.729.322
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.849.163.171	1.449.555.994
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	500.000.000
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		271.480.000	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**23.368.426.322**	**25.144.200.829**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	20	23.368.426.322	25.144.200.829
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**532.537.470.236**	**528.582.144.122**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**21**	**532.537.470.236**	**528.582.144.122**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.125.001.710.000*	*1.125.001.710.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4.	(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		(1.013.963.803.866)	(1.017.919.129.980)
	- (Lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(1.017.919.129.980)*	*(1.029.364.790.809)*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.955.326.114*	*11.445.660.829*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**674.476.640.622**	**701.946.900.641**

Nguyễn Thị Lụa	**Lê Thị Hà Thanh**	**Vương Vân Anh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 11 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**23**	**261.817.343.992**	**223.904.521.781**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.931.810	128.040.220
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**23**	**261.814.412.182**	**223.776.481.561**
4. Giá vốn hàng bán	11	24	209.310.992.014	178.964.302.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**52.503.420.168**	**44.812.178.783**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.581.860.515	1.186.448.033
7. Chi phí tài chính	22	26	184.174.990	993.855.118
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*9.038.195*	*894.597.584*
8. Chi phí bán hàng	25	27	38.382.000.704	28.415.959.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	19.049.379.053	16.074.177.315
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**(3.530.274.064)**	**514.634.504**
11. Thu nhập khác	31	29	8.132.154.085	4.962.207.909
12. Chi phí khác	32	30	742.554.148	2.841.869.663
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**7.389.599.937**	**2.120.338.246**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**3.859.325.873**	**2.634.972.750**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	-	665.730.403
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(96.000.241)	7.574.771
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**3.955.326.114**	**1.961.667.576**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	35	17

Nguyễn Thị Lụa	Lê Thị Hà Thanh	Vương Vân Anh
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 11 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***3.859.325.873***	***2.634.972.750***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	39.163.099.071	34.718.001.837
Các khoản dự phòng	03	4.093.664.439	958.168.073
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(241.806.609)	(550.434.147)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(115.931.174)	(310.764.299)
Chi phí lãi vay	06	9.038.195	894.597.584
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***46.767.389.795***	***38.344.541.798***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(732.535.660)	(24.424.381.071)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.956.316.991	(89.323.304.216)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(30.953.148.413)	97.789.669.650
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.905.476.560	2.970.931.486
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.149.306)	(967.930.847)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(567.683.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***21.932.349.967***	***23.821.842.807***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.100.655.539)	(12.628.795.089)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	495.595.000	65.909.091
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	550.000.000	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	17.600.000	390.047.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(7.037.460.539)***	***(12.172.838.630)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	14.721.713.218
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)	(500.000.000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(10.481.452.203)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(500.000.000)***	***3.740.261.015***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**14.394.889.428**	**15.389.265.192**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**40.807.505.332**	**39.849.946.488**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**55.202.394.760**	**55.239.211.680**

Nguyễn Thị Lụa	**Lê Thị Hà Thanh**	**Vương Vân Anh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 11 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 9 năm 2010 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 219 người (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 229 người).

Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong ngành y.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 9 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Kỳ này
	(Số năm)
Máy móc và thiết bị	02 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 03 năm đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy, cải tạo, sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở lợi nhuận thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trên biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện. Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	11.669.443.000	3.234.028.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.032.951.760	12.073.477.152
Các khoản tương đương tiền (i)	35.500.000.000	25.500.000.000
	55.202.394.760	**40.807.505.332**

(i) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,5% đến 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	107.340.812.353
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
- Khách hàng khác	292.366.656.334	295.822.855.369
	497.612.094.300	**501.068.293.335**

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm khoảng 59 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là khoảng 59 tỷ đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
- Nishimura Medical Instrument Co., Ltd.	29.872.783.121	29.872.783.121
- Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	36.635.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	50.416.102.645	57.041.979.549
	328.234.792.280	**334.860.669.184**

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm khoảng 14,9 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là khoảng 14,9 tỷ đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản trả trước nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**526.834.922.524**	**515.297.526.698**
- Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
- Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
- Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.256.442.952	7.256.442.952
- Tạm ứng cho nhân viên (ii)	105.576.596.008	95.582.962.140
- Ký quỹ ngắn hạn	1.084.615.000	2.156.361.097
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.033.593.750	1.033.593.750
- Phải thu khác	6.327.190.214	3.711.682.159
b. Dài hạn	**2.727.584.325**	**2.998.435.887**
- Ký quỹ dài hạn	664.176.285	612.176.285
- Vốn liên kết với các bệnh viện	2.063.408.040	2.386.259.602
	529.562.506.849	**518.295.962.585**

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.

(ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm khoảng 16,6 tỷ đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là khoảng 16,6 tỷ đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2019.

8. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	VND	VND		VND	VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng	**411.336.069.756**	**28.039.035.290**		**403.794.504.213**	**24.799.055.680**	
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	-	Trên 3 năm	97.904.625.613	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	-	Trên 3 năm	107.340.812.353	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	Trên 3 năm	33.792.574.163	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	Không xác định	28.031.022.362	-	Không xác định
Công ty TNHH Một thành viên 16A	26.948.625.601	-	Không xác định	26.948.625.601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	Trên 3 năm	10.797.500.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	106.520.909.664	28.039.035.290	Từ 6 tháng-trên 3 năm	98.979.344.121	24.799.055.680	Từ 6 tháng-trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**299.028.576.765**	**-**		**299.028.576.765**	**-**	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	Không xác định	190.230.906.514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument Co., Ltd.	29.872.783.121	-	Không xác định	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	Không xác định	36.635.000.000	-	Không xác định
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	-	Không xác định	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	-	Không xác định	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	6.358.687.130	-	Không xác định	6.358.687.130	-	Không xác định
Phải thu ngắn hạn khác	**510.617.379.846**	**2.308.890.693**		**510.605.955.838**	**2.297.466.685**	
Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ	403.295.265.000	-	Không xác định	403.295.265.000	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	97.169.543.850	36.247.085	Không xác định	97.169.543.850	36.247.085	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định
Các đối tượng khác	634.908.444	11.424.008	Không xác định	623.484.436	-	Không xác định
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**999.242.500**	**-**		**999.242.500**	**-**	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	-	Trên 3 năm	999.242.500	-	Trên 3 năm
	1.221.981.268.867	**30.347.925.983**		**1.214.428.279.316**	**27.096.522.365**	

Ban Giám đốc Công ty không xác định thời gian quá hạn đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ban Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	39.657.057.582	-	50.142.439.215	-
Hàng hoá (i)	107.255.881.598	(41.751.676.235)	100.653.768.059	(42.231.077.729)
Hàng gửi bán	9.312.204.060	-	8.385.252.957	-
	156.225.143.240	**(41.751.676.235)**	**159.181.460.231**	**(42.231.077.729)**

(i) Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 595.682.831 đồng (kỳ trước: 764.214.474 đồng) do Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này thấp hơn so với giá ghi sổ. Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.075.084.325 đồng (kỳ trước: 336.466.871 đồng) do Công ty đã bán được các hàng tồn kho đã trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn	**879.581.010**	**782.743.226**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	506.661.720	367.032.950
- Các khoản khác	372.919.290	415.710.276
b. Dài hạn	**10.749.307.891**	**14.751.622.235**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.404.591.469	664.795.892
- Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng cho tài sản liên kết, đặt máy	6.716.483.181	10.155.346.039
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.954.101.698	3.022.377.656
- Các khoản khác	674.131.543	909.102.648
	11.628.888.901	**15.534.365.461**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	**829.742.066.216**	**28.598.963.559**	**541.416.656**	**858.882.446.431**
Tăng mới trong kỳ	14.654.319.439	3.649.245.673	-	18.303.565.112
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(13.878.635.804)	(995.192.800)	-	(14.873.828.604)
Giảm khác	(2.118.188.714)	-	-	(2.118.188.714)
Số dư cuối kỳ	**828.399.561.137**	**31.253.016.432**	**541.416.656**	**860.193.994.225**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	**495.378.932.267**	**17.755.817.465**	**270.781.508**	**513.405.531.240**
Khấu hao trong kỳ	37.859.941.097	1.129.557.877	40.067.037	39.029.566.011
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(13.625.984.312)	(995.192.800)	-	(14.621.177.112)
Giảm khác	(1.911.919.624)	-	-	(1.911.919.624)
Số dư cuối kỳ	**517.700.969.428**	**17.890.182.542**	**310.848.545**	**535.902.000.515**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	**334.363.133.949**	**10.843.146.094**	**270.635.148**	**345.476.915.191**
Tại ngày cuối kỳ	**310.698.591.709**	**13.362.833.890**	**230.568.111**	**324.291.993.710**

Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 35.386.505.163 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 41.793.809.072 đồng) để đảm bảo cho các hợp đồng vay hạn mức, bảo lãnh với ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 164.199.479.255 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 175.742.550.403 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	**923.000.480**
Số dư cuối kỳ	**923.000.480**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	**312.375.266**
Khấu hao trong kỳ	133.533.060
Số dư cuối kỳ	**445.908.326**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu kỳ	**610.625.214**
Số dư cuối kỳ	**477.092.154**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải thu/ phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.949.725	-	-	52.949.725
	52.949.725	**-**	**-**	**52.949.725**
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	20.345.334	4.708.095.755	4.680.188.532	48.252.557
Thuế xuất, nhập khẩu	-	584.098.159	584.098.159	-
Thuế thu nhập cá nhân	427.961.486	2.549.206.704	2.499.720.720	477.447.470
Thuế khác	-	405.467.661	405.467.661	-
	448.306.820	**8.246.868.279**	**8.169.475.072**	**525.700.027**

14. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm, sửa chữa (i)	260.274.011	10.463.183.584

(i) Chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình sửa chữa, lắp đặt để hình thành tài sản cố định.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000
	750.000.000	**750.000.000**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín, do đó, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày theo giá gốc.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (i)	110.750.000.000	110.750.000.000
	110.750.000.000	**110.750.000.000**

(i) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

17. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

Thể hiện giá trị của 252 trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành, được Công ty nắm giữ, với mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 7 năm từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 đến ngày 19 tháng 12 năm 2025. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, lãi trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 0,8%/năm. Lãi trả sau, được thanh toán định kỳ một năm một lần.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd	36.967.083.288	36.967.083.288	73.945.811.250	73.945.811.250
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	33.860.318.920	33.860.318.920	28.598.334.236	28.598.334.236
- Konica Minolta Inc,	8.876.231.145	8.876.231.145	286.958.103	286.958.103
- Phải trả cho các đối tượng khác	5.355.644.590	5.355.644.590	4.370.817.348	4.370.817.348
	85.059.277.943	**85.059.277.943**	**107.201.920.937**	**107.201.920.937**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	11.208.992.667	15.425.942.784
- Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết	4.097.316.511	5.647.823.408
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	4.170.206.714	3.150.642.297
- Trích trước chi phí thưởng	2.688.204.128	1.502.030.000
- Trích trước chi phí bảo trì	163.988.066	363.765.780
- Các khoản trích trước khác	1.158.733.911	426.525.053
	23.487.441.997	**26.516.729.322**

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác. Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ phải trả cho các đối tác và khẳng định rằng chi phí phải trả thực tế sẽ không chênh lệch trọng yếu với chi phí đã ước tính và ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	135.974.200	169.127.200
- Bảo hiểm xã hội	-	345.655.673
- Bảo hiểm y tế	-	62.834.060
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	27.110.249
- Phải trả phí môi giới	1.111.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	602.188.971	844.828.812
	1.849.163.171	**1.449.555.994**
b. Dài hạn		
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	23.368.426.322	25.144.200.829
	23.368.426.322	**25.144.200.829**

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	**1.125.001.710.000**	**402.288.328.850**	**19.211.235.252**	**(1.029.364.790.809)**	**517.136.483.293**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.961.667.576	1.961.667.576
Số dư cuối kỳ trước	**1.125.001.710.000**	**402.288.328.850**	**19.211.235.252**	**(1.027.403.123.233)**	**519.098.150.869**
Số dư đầu kỳ này	**1.125.001.710.000**	**402.288.328.850**	**19.211.235.252**	**(1.017.919.129.980)**	**528.582.144.122**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.955.326.114	3.955.326.114
Số dư cuối kỳ này	**1.125.001.710.000**	**402.288.328.850**	**19.211.235.252**	**(1.013.963.803.866)**	**532.537.470.236**

Cổ phiếu	**Số cuối kỳ**	**Số đầu kỳ**
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	*112.500.171*	*112.500.171*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	*112.500.171*	*112.500.171*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 17, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty và công ty con là kinh doanh máy móc, linh kiện, thiết bị y tế và dịch vụ y tế. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tai Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

23. DOANH THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**261.817.343.992**	**223.904.521.781**
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	180.773.064.417	143.033.562.461
- Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	66.979.555.153	69.855.136.050
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.064.724.422	11.015.823.270
Các khoản giảm trừ doanh thu	**2.931.810**	**128.040.220**
- Hàng bán bị trả lại	2.931.810	128.040.220
	261.814.412.182	**223.776.481.561**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	141.059.799.482	112.454.468.975
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	55.904.240.394	56.964.440.160
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.826.353.632	9.117.646.040
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(479.401.494)	427.747.603
	209.310.992.014	**178.964.302.778**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.189.015.685	378.532.790
Lãi chênh lệch tỷ giá	392.844.830	807.915.243
	1.581.860.515	**1.186.448.033**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	9.038.195	894.597.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá	175.136.795	99.257.534
	184.174.990	**993.855.118**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	**19.049.379.053**	**16.074.177.315**
- Chi phí tiền lương	7.426.394.845	6.532.110.196
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.301.585.933	530.420.470
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.321.398.275	9.011.646.649
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	**38.382.000.704**	**28.415.959.879**
- Chi phí tiền lương	11.774.201.953	11.368.137.762
- Các khoản chi phí bán hàng khác	26.607.798.751	17.047.822.117

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.314.255.050	1.302.291.652
Chi phí nhân viên	23.585.788.128	20.703.288.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.715.226.749	34.270.129.515
Chi phí dự phòng	3.822.184.439	958.168.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.890.672.175	34.521.478.705
Chi phí khác bằng tiền	11.831.949.715	13.014.972.856
	121.160.076.256	**104.770.329.468**

29. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	7.150.207.350	4.437.850.829
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	244.551.703	-
Các khoản khác	737.395.032	524.357.080
	8.132.154.085	**4.962.207.909**

30. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	103.126.209	67.768.491
Các khoản bị phạt, truy thu	-	2.631.727.300
Các khoản khác	639.427.939	142.373.872
	742.554.148	**2.841.869.663**

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	665.730.403
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**665.730.403**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	3.859.325.873	2.634.972.750
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*639.425.309*	*2.693.335.788*
Ảnh hưởng của hợp nhất	*660.001.202*	*2.082.126.146*
Chênh lệch tạm thời chi phí quảng bá thương hiệu	*(1.250.000.000)*	-
Chuyển lỗ	*(4.038.949.413)*	*(7.410.434.684)*
Lỗ không tính thuế của công ty con	*130.197.029*	-
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.955.326.114	1.961.667.576
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	112.500.171	112.500.171
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**35**	**17**

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	3.644.082.876	4.398.479.887
- Trên 1 năm đến 5 năm	2.783.946.000	3.960.824.555
	6.428.028.876	**8.359.304.442**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo các hợp đồng thuê văn phòng, thuê kho đã ký kết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và công ty con.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.777.200.000	1.069.590.000

Nguyễn Thị Lụa	**Lê Thị Hà Thanh**	**Vương Vân Anh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 11 năm 2019